

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /2017/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
592/TTr-SKHCN ngày 09/11/2017,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý các nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực
hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các
ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ
chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */s/*

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ KH và CN;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Thái Bình (để đưa tin);
- Công báo tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KGVX, TH. */s/*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



/s/
Nguyễn Hồng Diên

QUY ĐỊNH

**Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng
ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Thái Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng (toàn bộ hoặc một phần) kinh phí từ ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân, tham gia quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước của tỉnh và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, tham gia quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, áp dụng Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ cơ sở và do thủ trưởng cơ sở ký hợp đồng thực hiện bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở và Dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Trong đó:

a) Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm:

- Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn;
- Đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ;

b) Dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở là dự án nhân rộng kết quả từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, mở rộng kết quả các dự án cấp Bộ triển khai trên địa bàn tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội hoặc các mô hình thành công từ các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

2. Tổ chức tham gia đề xuất và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, trường đại học, cao đẳng hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Cá nhân tham gia đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, trường đại học, cao đẳng hoạt động trên địa bàn tỉnh.

3. Đơn vị chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội.

4. Thủ trưởng đơn vị chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đối với cấp huyện); người đứng đầu các sở, ban, ngành; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội.

5. Tổ chức chủ trì là tổ chức trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

6. Các thuật ngữ khác không giải thích tại văn bản này được hiểu thống nhất theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ hoặc các văn bản khác có liên quan.

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở từ các nguồn sau:

- a) Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hỗ trợ;
- b) Nguồn của các đơn vị chủ quản;
- c) Nguồn kinh phí của các đơn vị chủ trì thực hiện;
- d) Nguồn tham gia đóng góp của các doanh nghiệp hoặc các tổ chức có nhu cầu sử dụng kết quả nghiên cứu;
- d) Kinh phí từ các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở gồm kinh phí quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và kinh phí thực hiện nội dung của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Kinh phí quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được lấy từ kinh phí của cơ sở.

4. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc đơn vị chủ quản nào thì do đơn vị đó cấp phát kinh phí và theo dõi thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm.

5. Kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải lập hồ sơ quyết toán kinh phí gửi về đơn vị chủ quản, hồ sơ gồm:

- a) Báo cáo tình hình thực hiện nội dung và kinh phí đã được cấp;
- b) Báo cáo quyết toán (chi tiết và tổng hợp).

6. Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được Sở Tài chính cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ để Sở Khoa học và Công nghệ cấp về tài khoản tiền gửi của đơn vị chủ quản tại Kho bạc Nhà nước. Đơn vị chủ quản căn cứ vào hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở để cấp kinh phí theo tiến độ xác định trong hợp đồng đã ký cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (*Sở Khoa học và Công nghệ cấp kinh phí cho Khối Văn phòng các sở, ban, ngành và một số tổ chức không có đơn vị chủ quản theo tiến độ xác định trong hợp đồng mà Sở đã ký*).

7. Định mức chi cho các hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được dự toán theo các quy định tài chính hiện hành, định mức kinh tế kỹ thuật của các ngành thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các quy định khác có liên quan. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành của tỉnh.

Chương II

CĂN CỨ XÁC ĐỊNH VÀ QUY TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 4. Căn cứ xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương, quy hoạch, kế hoạch phát triển từng ngành.

2. Căn cứ nhu cầu cấp thiết của đơn vị, cơ sở, địa phương phải xây dựng hoặc nhân rộng các mô hình đã thành công từ các nhiệm vụ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3. Căn cứ mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, khả năng phối hợp giữa các bên tham gia thực hiện, kết quả dự kiến, sản phẩm đạt được, phương pháp nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải có tính mới theo từng địa phương và có tính khả thi, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải là luận cứ khoa học để xây dựng chính sách hoặc phát triển các sản phẩm mới, chuyển giao công nghệ, xây dựng quy trình kỹ thuật và mô hình ứng dụng đáp ứng các nhu cầu sản xuất, đời sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của địa phương.

5. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không quá 24 tháng tính từ ngày ký hợp đồng khoa học và công nghệ.

Điều 5. Điều kiện của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

1. Áp dụng theo Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình (Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND).

2. Các tổ chức kinh tế tham gia quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước của tỉnh phải có đủ các điều kiện: Có trụ sở, có hoạt động sản xuất, kinh doanh và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 6. Xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế của cơ sở, hướng dẫn của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Sở Khoa học và Công nghệ; Đơn vị chủ trì thực hiện đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở cho năm sau gửi về đơn vị chủ quản (*Khỏi Văn phòng các sở, ban, ngành và một số tổ chức không có đơn vị chủ quản thì gửi trực tiếp đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ*). Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị chủ trì, đơn vị chủ quản lựa chọn và đề xuất danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được đề nghị hỗ trợ kinh phí sự nghiệp

khoa học và công nghệ của tỉnh. Thành phần, phương thức và trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng theo Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh, trên cơ sở kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 7. Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được phê duyệt, đơn vị chủ quản thông báo bằng văn bản hoặc các phương tiện thông tin đại chúng đến các đơn vị chủ trì được giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, để tổ chức chủ trì lập hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Thời gian thông báo trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi có quyết định của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Khoản 3 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

3. Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở gồm một (01) bộ hồ sơ gốc có dấu và chữ ký trực tiếp, hồ sơ trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và một (01) bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu).

4. Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được gửi về đơn vị chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (*Trường hợp đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là khối Văn phòng các sở, ban, ngành và một số tổ chức không có đơn vị chủ quản thì gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để Sở trực tiếp đánh giá hồ sơ*), số lượng hồ sơ mỗi loại theo yêu cầu đơn vị quản lý cấp cơ sở.

Điều 8. Quy trình và thủ tục làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở tư vấn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ trưởng đơn vị chủ quản ra quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Sau đây gọi là Hội đồng). Hội đồng có 7 thành viên, trong đó hai (02) thành viên là đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước liên quan, tổ chức sản xuất kinh doanh ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ (nếu có); năm (05) thành viên là các cán bộ khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp với nội dung của nhiệm vụ. Đơn vị chủ quản cử một (01) cán bộ làm thư ký hành chính cho Hội đồng.

2. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng thực hiện theo Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Sau buổi họp của Hội đồng, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chỉnh sửa hồ sơ theo ý kiến đóng góp của Hội đồng và gửi hồ sơ cùng biên bản họp Hội đồng về đơn vị chủ quản để trình cấp có thẩm quyền thẩm định kinh phí và ra quyết định phê duyệt.

Điều 9. Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thành phần tổ thẩm định kinh phí

a) Thành phần tổ thẩm định phần kinh phí của cơ sở (Nếu có)

Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, do thủ trưởng đơn vị chủ quản quyết định thành lập. Tổ gồm có 03 thành viên, trong đó:

- Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo đơn vị chủ quản;

- Một (01) thành viên là đại diện đơn vị quản lý tài chính thuộc đơn vị chủ quản;
- Cán bộ theo dõi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

b) Thành phần tổ thẩm định phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Tổ gồm có 03 thành viên, trong đó:

- Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;
 - Một (01) thành viên là đại diện Sở Tài chính;
 - Một (01) thành viên là đại diện phòng Kế hoạch Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ;
- Cán bộ theo dõi, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là khách mời;

2. Trách nhiệm, trình tự, nội dung làm việc của tổ thẩm định thực hiện theo Khoản 5 Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Điều 10. Phê duyệt, ký hợp đồng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí trong thời hạn mười (10) ngày làm việc (kể từ ngày có kết luận của tổ thẩm định kinh phí) và gửi về đơn vị chủ quản để thủ trưởng đơn vị chủ quản ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ (*Trường hợp đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là khối Văn phòng các sở, ban, ngành và một số tổ chức không có đơn vị chủ quản, Ủy ban nhân dân tỉnh giao giám đốc sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ*) sau đó gửi hồ sơ và quyết định phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong danh mục được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh về sở Khoa học và Công nghệ.

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt hỗ trợ kinh phí cho từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Thủ trưởng đơn vị chủ quản ký hợp đồng với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ sau khi có quyết định hỗ trợ kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh (*Trường hợp đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở là khối Văn phòng các sở, ban, ngành và một số tổ chức, không có đơn vị chủ quản, Ủy ban nhân dân tỉnh giao giám đốc sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với đơn vị chủ trì thực hiện*). Mẫu Hợp đồng thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo Khoản 3 Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Điều 11. Chế độ báo cáo, kiểm tra, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Chế độ báo cáo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

2. Điều chỉnh Hợp đồng và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở:

a) Lãnh đạo đơn vị chủ quản xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung thuộc phạm vi Hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì nhưng không làm thay đổi mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

b) Việc điều chỉnh tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và kinh phí thực hiện phải báo cáo và được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

c) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở chỉ được thực hiện một (01) lần đối với mỗi nhiệm vụ và chỉ được xem xét gia hạn trước khi kết thúc Hợp đồng ít nhất ba (03) tháng. Thời gian gia hạn không quá sáu (06) tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện hai mươi tư (24) tháng, không quá ba (03) tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ ủy quyền cho lãnh đạo đơn vị chủ quản xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

d) Các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh Hợp đồng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

e) Các trường hợp chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được thực hiện theo Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Điều 12. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu và tự đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

a) Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo Điều 21 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

b) Tự đánh giá kết quả của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo Điều 22 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

2. Giao Thủ trưởng đơn vị chủ quản ra quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu) trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hợp lệ.

Thành phần và hoạt động của Hội đồng nghiệm thu; trình tự nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo khoản 2,4,5,6 Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Điều 13. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo Điều 24 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

2. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở:

a) Đánh giá của thành viên Hội đồng tư vấn nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

+ Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau:

- “Xuất sắc”: Khi vượt mức so với hợp đồng và thuyết minh được duyệt

- “Đạt”: Khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu hợp đồng và thuyết minh được duyệt
- “Không đạt”: Không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu hợp đồng và thuyết minh được duyệt
- + Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau:
 - “Xuất sắc”: Khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 24 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.
 - “Đạt”: Khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện.
 - “Không đạt”: Không thuộc hai trường hợp trên
 - + Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau:
 - “Xuất sắc”: Khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên

- “Đạt”: Khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với hợp đồng), báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên

- “Không đạt”: Không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá ba (03) tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

b) Đánh giá, xếp loại của Hội đồng theo 03 mức:

- “Xuất sắc”: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

- “Không đạt”: Nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”;

- “Đạt”: Nhiệm vụ không thuộc Điểm a và Điểm b Khoản này.

3. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Đơn vị chủ quản chủ trì việc xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu theo Điều 26 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

4. Công nhận kết quả và thanh lý Hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Đơn vị chủ quản chủ trì công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Điều 27 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

5. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thực hiện theo Điều 28 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Điều 14. Xử lý tài sản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bị thiệt hại do những tác động khách quan như: Bão, lụt, hoả hoạn, dịch bệnh gây ra, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo giải trình với đơn vị chủ quản để đơn vị chủ quản và Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra cụ thể, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

2. Các sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở là tài sản đã mua sắm bằng kinh phí nhà nước hoặc tài sản hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu có) phải được kiểm kê và bàn giao theo Điều 30 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân trong tỉnh đăng ký, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; hằng năm phối hợp hoặc chủ trì tổ chức kiểm tra và đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định. Báo cáo định kỳ (6 tháng, hằng năm) hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định kinh phí, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định hỗ trợ kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định;

3. Chủ trì cấp phát kinh phí cho các đơn vị chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và thanh quyết toán kinh phí cho các hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà Sở ký.

4. Lưu giữ hồ sơ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có hỗ trợ kinh phí của tỉnh theo quy định.

5. Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh việc tổ chức nhân rộng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở vào thực tiễn.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Trách nhiệm, quyền hạn của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Chủ trì xây dựng danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, đề nghị hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc kiểm tra đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Thành lập Hội đồng tư vấn giao trực tiếp, Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

4. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo thẩm quyền.

5. Cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của tỉnh và các nguồn kinh phí khác cho các hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã ký và với Sở Khoa học và Công nghệ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của tỉnh.

6. Tiếp nhận và chịu trách nhiệm tổ chức nhân rộng các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Bố trí kinh phí phục vụ cho công tác quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Áp dụng theo Điều 34 và Điều 35 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật, xây dựng các biểu mẫu sử dụng thống nhất trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có vấn đề vướng mắc, các ngành, các cấp, các tổ chức đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên